

## PHƯƠNG THỨC CHO VAY THEO HẠN MỨC TÍN DỤNG

### 1. Đối tượng áp dụng :

- Khách hàng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ổn định, hộ gia đình có mô hình kinh tế tổng hợp, có quan hệ uy tín với ngân hàng và có nhu cầu vay vốn ngắn hạn thường xuyên, có đặc điểm sản xuất kinh doanh, luân chuyển vốn không phù hợp với phương thức cho vay từng lần

### 2. Xác định hạn mức tín dụng:

- Xác định nhu cầu vốn (NCV) :

$$NCV = \frac{DTKH_{GV}}{VQKH}$$

•  $DTKH_{GV}$  : Doanh thu giá vốn hoặc chi phí SX kế hoạch  
•  $VQKH$  : Vòng quay vốn lưu động kế hoạch.

Đối với khách hàng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tổng hợp, tổng nhu cầu vốn của phương án dự án vay vốn phải được tổng hợp trên cơ sở tính toán nhu cầu vốn cho từng loại sản phẩm

*Thí dụ* : Hộ B vay vốn thực hiện phương án SXKD tổng hợp gồm: chăn nuôi heo nái, vỗ béo heo thịt, chăn nuôi cá và kinh doanh thức ăn gia súc.

- + Chi phí nuôi heo nái cả năm 15 triệu đồng. Vòng quay vốn nuôi heo nái 2 vòng/năm.
- + Chi phí vỗ béo heo thịt 8 triệu. Vòng quay vốn heo thịt 2 vòng/năm.
- + Chi phí chăn nuôi cá 12 triệu. Vòng quay vốn chăn nuôi cá 2 vòng/năm.
- + Chi phí kinh doanh thức ăn gia súc 12 triệu. Vòng quay vốn kinh doanh thức ăn gia súc 5 vòng/năm.

$$\text{Nhu cầu vốn hộ B : } NCV = \frac{15 \text{ tr}}{2} + \frac{8 \text{ tr}}{2} + \frac{12 \text{ tr}}{2} + \frac{12 \text{ tr}}{5} = 19,9 \text{ Tr}$$

Vòng quay vốn lưu động kế hoạch (VQKH) được tính theo công thức sau :

$$VQKH = \frac{Sng \text{ PA}}{Sng \text{ VQ KH}}$$

•  $Sng \text{ PA}$  : Số ngày thực hiện phương án, dự án  
•  $Sng \text{ VQ KH}$  : Số ngày 1 vòng quay VLĐ kế hoạch

Số ngày 1 vòng quay vốn lưu động kế hoạch là số ngày dự kiến từ khi đưa tiền vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đến khi thu tiền về.

- Xác định hạn mức tín dụng :

+ Nhu cầu vay cao nhất = Nhu cầu vốn - Vốn tự có tham gia - Vốn khác.

(Mức vốn tự có tối thiểu tham gia dự án vay theo qui định của NHNo Việt Nam) .

+ Mức dư nợ cao nhất (Hạn mức tín dụng) có thể bằng hoặc nhỏ hơn ( $\leq$ ) nhu cầu vay cao nhất

Trường hợp hạn mức tín dụng bằng nhu cầu vay cao nhất khi :

- \* Cho vay 100% không có bảo đảm bằng tài sản
- \* Cho vay có một phần bảo đảm bằng tài sản và phần còn lại được cho vay không có bảo đảm bằng tài sản
- \* Cho vay 100% có bảo đảm bằng tài sản (giá trị tài bảo đảm đủ bảo đảm cho 100% nghĩa vụ nợ)

Trường hợp hạn mức tín dụng nhỏ hơn nhu cầu vay cao nhất khi :

- \* Chỉ được cho vay một phần không có bảo đảm bằng tài sản và phần còn lại không có đủ giá trị tài sản đảm bảo.

\* Không được cho vay không có bảo đảm bằng tài sản và/hoặc không có đủ giá trị tài sản đảm bảo.

- Công thức xác định hạn mức tín dụng như sau :

A : Nhu cầu vốn vay.

B : Mức cho vay có tài sản bảo đảm.

$$B = \sum_{i=1}^n G_i \times T_i$$

- $G_i$  : Giá trị tài sản bảo đảm tiền vay thứ i
- $T_i$  : Mức cho vay so với giá trị tài sản thứ i

C : Mức cho vay không có tài sản bảo đảm .

\* Khi  $(B + C) \geq A$  thì Hạn mức tín dụng = Nhu cầu vốn vay cao nhất

\* Khi  $(B + C) < A$  thì Hạn mức tín dụng =  $(B + C)$

*Thí dụ:* Hộ A có phương án kinh doanh tổng hợp với tổng chi phí sản xuất là 250 triệu đồng, vòng quay vốn lưu động kế hoạch 2 vòng; vốn tự có tham gia dự án 25 triệu đồng, giá trị tài sản bảo đảm là 100 triệu đồng, mức cho vay so với giá trị tài sản là 70%. NHNo quyết định cho vay không bảo đảm bằng tài sản 30 triệu đồng hoặc bằng 0 triệu đồng .

\* Nhu cầu vốn của phương án =  $250/2 = 125$  tr đ

\* Nhu cầu vốn vay của ông A =  $125$  tr đ –  $25$  tr đ =  $100$  tr đ

\* Mức cho vay có bảo đảm tài sản =  $100$  tr đ x  $70\% = 70$  tr đ

\* Nếu cho vay không bảo đảm bằng tài sản  $30$  tr đ thì hạn mức tín dụng là:  $100$  triệu đồng vì  $B + C = 70$  tr đ +  $30$  tr đ =  $A = 100$  tr đ.

\* Nếu cho vay không bảo đảm bằng tài sản  $0$  tr đ thì Hạn mức tín dụng là :  $70$  tr đ vì  $B + C = 70$  tr đ +  $0$  tr đ =  $70$  tr <  $A = 100$  tr đ.

Lưu ý: - Khi xác định hạn mức tín dụng thấp hơn nhu cầu vay vốn của khách hàng do  $(B + C) < A$  thì CBTD cần tư vấn cho khách hàng xem xét giảm qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc phải huy động thêm nguồn vốn khác (nhưng không phải là vay nặng lãi);

- Nếu qui mô sản xuất kinh doanh không giảm được tương ứng với nhu cầu vốn vay tham gia và không có khả năng huy động vốn khác, không bổ sung tài sản bảo đảm thì không nên quyết định cho vay vì sẽ có rủi ro cao do khách hàng thiếu vốn để đảm bảo phương án, dự án khả thi, có hiệu quả.

### 3. Thời hạn cho vay, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng:

- Căn cứ vào chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng để xác định thời hạn cho vay, ghi vào hợp đồng tín dụng và từng giấy nhận nợ.

- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng phù hợp với thời gian thực hiện của phương án, dự án vay vốn nhưng tối đa 12 tháng .

### 4. Quản lý hạn mức tín dụng:

- Hạn mức tín dụng là mức dư nợ tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà ngân hàng và khách hàng đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng cấp hạn mức tín dụng.

- CBTD phải quản lý chặt chẽ hạn mức tín dụng và không được phép vượt hạn mức tín dụng nếu không được thỏa thuận bổ sung. Trong thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng khách hàng được rút vốn phù hợp với tiến độ, yêu cầu sử dụng vốn thực tế của phương án vay vốn.

- Trường hợp có những thay đổi trong việc thực hiện phương án sản xuất kinh doanh đã lập trước đó hoặc thay đổi tài sản bảo đảm hoặc các thông tin bất thường về khách hàng thì phải lập báo cáo thẩm định bổ sung trình lên giám đốc quyết định giải ngân hay không giải ngân đối với khoản vay. Việc xử lý theo hướng sau :

- + Nếu khách hàng vi phạm cam kết của hợp đồng tín dụng: ngừng ngay việc giải ngân và tiến hành xử lý nợ theo qui định .
- + Nếu khách hàng có biểu hiện thiếu trung thực hoặc khả năng trả nợ bị giảm sút, CBTD phải tiến hành kiểm tra xem xét đề trình giám đốc quyết định tiếp tục hoặc ngừng giải ngân.

### 5. Giải ngân tiền vay:

- Trong phạm vi hạn mức tín dụng và thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng mỗi lần rút tiền vay khách hàng phải lập giấy nhận nợ kèm theo **bảng kê** và **các chứng từ** (nếu có) phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay ghi trên hợp đồng tín dụng. CBTD kiểm tra các giấy tờ trên nếu phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng tín dụng thì ký vào giấy nhận nợ trình phê duyệt giải ngân.
- Kỳ hạn nợ của từng giấy nhận nợ sẽ được xác định phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và không bị khống chế theo thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng đã ký ban đầu.

### 6. Thay đổi hạn mức tín dụng và thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng:

- **Trường hợp khách hàng chủ động xin điều chỉnh hạn mức tín dụng thì lập giấy đề nghị vay vốn đề nghị điều chỉnh hạn mức tín dụng kèm theo phương án, dự án sản xuất kinh doanh có thay đổi**, CBTD thẩm định lại và trình giám đốc quyết định điều chỉnh hạn mức tín dụng hoặc/và thời hạn hiệu lực thực hiện hạn mức tín dụng; ký bổ sung hợp đồng tín dụng với hạn mức tín dụng hoặc/và thời hạn hiệu lực thực hiện hạn mức tín dụng mới. (Các bước thực hiện thẩm định để xem xét điều chỉnh hạn mức tín dụng tương tự như thẩm định khoản vay mới)

### 7. Ký hợp đồng tín dụng với hạn mức tín dụng mới:

Trước 10 ngày khi hết thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng cũ, khách hàng gửi phương án, dự án sản xuất kinh doanh kỳ sau để ngân hàng thẩm định xem xét xác định hạn mức tín dụng mới (Các bước thực hiện thẩm định cho vay tương tự như khoản vay mới):

- Trường hợp chấp thuận hạn mức tín dụng mới: Đề nghị khách hàng lập hồ sơ đầy đủ theo qui định; ngân hàng cùng khách hàng tiến hành ký hợp đồng tín dụng với hạn mức tín dụng và thời hạn hiệu lực mới; thực hiện chuyển toàn bộ các giấy nhận nợ theo hạn mức tín dụng của hợp đồng tín dụng cũ còn dư nợ sang hợp đồng tín dụng mới với hạn mức tín dụng mới đã được ký.
- Trường hợp hạn mức tín dụng mới thấp hơn hạn mức tín dụng cũ: Ngân hàng tạm thời chưa giải ngân tiếp theo hạn mức tín dụng mới; Khách hàng phải có trách nhiệm trả nợ ngân hàng theo kỳ hạn của các giấy nhận nợ của hạn mức tín dụng cũ chuyển sang. Ngân hàng chỉ xem xét giải ngân tiếp khi khách hàng có mức dư nợ thấp hơn hạn mức tín dụng mới vừa ký; mức dư nợ và số tiền giải ngân mới không được phép vượt hạn mức tín dụng mới đã được ký .
- Trường hợp hạn mức tín dụng mới cao hơn hạn mức tín dụng cũ: khi có nhu cầu vay phù hợp với mục đích sử dụng vốn ghi trên hợp đồng tín dụng với hạn mức tín dụng mới, khách hàng lập giấy nhận nợ đề nghị ngân hàng xem xét giải ngân. Căn cứ hạn mức tín dụng mới; ngân hàng xem xét cho khách hàng rút tiền theo giấy nhận nợ .
- Trường hợp không tiếp tục thực hiện hạn mức tín dụng: ngân hàng tiến hành kiểm tra sau và theo dõi kỳ hạn nợ của các giấy nhận nợ theo hạn mức tín dụng cũ để thu hồi nợ đúng hạn .
- Trường hợp khách hàng (nhất là hộ nông dân) SXKD ổn định, không có sự thay đổi về sản xuất kinh doanh, không có nhu cầu thay đổi hạn mức tín dụng và thực hiện tốt các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cũ, thì NHNo được xem xét gia hạn hạn mức tín dụng cũ nhưng tối đa 12 tháng. Việc thẩm định gia hạn hạn mức tương tự như thẩm định cho vay khoản mới.

- + Nếu không đồng ý gia hạn hạn mức tín dụng thì thông báo cho khách hàng biết rõ lý do.
- + Nếu đồng ý gia hạn hạn mức tín dụng thì các hồ sơ vay vốn của hạn mức tín dụng cũ được chuyển sang theo dõi cùng với hồ sơ của hạn mức tín dụng được gia hạn.

Lưu ý: + Việc gia hạn hạn mức tín dụng không phải là việc cơ cấu lại thời gian trả nợ, do đó không chuyển nhóm nợ khi gia hạn hạn mức tín dụng.

- + Tất cả các trường hợp thay đổi hạn mức tín dụng đều phải lập hợp đồng tín dụng theo hạn mức tín dụng mới, toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng cũ được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng mới.

- + Lãi suất cho vay trong trường hợp áp dụng phương thức này thực hiện theo quy định của NHNo tại thời điểm nhận nợ và ghi trên giấy nhận nợ.